

TRANSCRIPT – CÂU HỎI WHERE, WHEN – HOMEWORK

<p>01. Do you know when the next payment is due?</p> <p>(A) The same amount as the last one. (B) On June fifteenth. (C) It's four hundred dollars.</p>	<p>01. Bạn có biết khi nào thì đến hạn thanh toán tiếp theo không?</p> <p>(A) Một khoản giống với khoản trước. (B) Ngày 15 tháng 6. (C) 400 đô la.</p>
<p>02. When will Joseph be returning from his vacation?</p> <p>(A) Sometime next week. (B) To Paris. (C) It starts at eleven.</p>	<p>02. Khi nào Joseph sẽ trở về từ kì nghỉ của anh ấy?</p> <p>(A) Đâu đó vào tuần sau. (B) Đến Paris. (C) Nó bắt đầu lúc 11 giờ.</p>
<p>03. Where'd you hear the news?</p> <p>(A) On television. (B) It was new. (C) On the right.</p>	<p>03. Bạn đã nghe tin tức đó ở đâu?</p> <p>(A) Trên ti-vi (B) Nó mới. (C) Ở phía bên phải.</p>
<p>04. Where did you put the factory samples I brought yesterday?</p> <p>(A) They're on my desk. (B) It's a fact. (C) They're too bright.</p>	<p>04. Bạn đã để mẫu nhà máy mà tôi mang đến ở đâu rồi?</p> <p>(A) Chúng ở trên bàn của tôi. (B) Đó là sự thật. (C) Chúng quá sáng màu.</p>
<p>05. When is the race supposed to start?</p> <p>(A) The ticket cost ten dollars. (B) In ten minutes. (C) We've just run out.</p>	<p>05. Khi nào thì cuộc đua bắt đầu?</p> <p>(A) Vé có giá 10 đô la. (B) Trong 10 phút nữa. (C) Chúng tôi vừa hết sạch.</p>
<p>06. Where's the nearest public phone?</p> <p>(A) Thirty-five cents a minutes. (B) There's one across the street. (C) Please call again later.</p>	<p>06. Điện thoại công cộng gần nhất ở đâu vậy?</p> <p>(A) 35 cent một phút. (B) Có một cái ở bên kia đường. (C) Vui lòng gọi lại sau.</p>

<p>07. When does the grocery store close?</p> <p>(A) He bought fruit. (B) Close the door, please. (C) Soon, I think.</p>	<p>07. Khi nào thì cửa hàng bách hoá đóng cửa?</p> <p>(A) Anh ấy đã mua trái cây. (B) Vui lòng đóng cửa lại. (C) Sớm thôi, tôi nghĩ vậy.</p>
<p>08. Where can I pay for this sweater?</p> <p>(A) Yes, it's rather cold outside. (B) There's a cash register right over there. (C) You can have it back on Monday.</p>	<p>08. Tôi có thể thanh toán cái áo len này ở đâu?</p> <p>(A) Đúng vậy, ở bên ngoài trời khá lạnh. (B) Có một máy tính tiền ở ngay đằng kia. (C) Bạn có thể đến lấy lại nó vào thứ Hai.</p>
<p>09. When can I get the results of my physical?</p> <p>(A) Twenty dollars, I think. (B) Within a week. (C) Yes, you can.</p>	<p>09. Khi nào thì tôi có thể lấy kết quả khám sức khoẻ của mình?</p> <p>(A) 20 đô la, tôi nghĩ vậy. (B) Trong vòng 1 tuần. (C) Đúng vậy, bạn có thể.</p>
<p>10. Do you know where I can get a cup of coffee?</p> <p>(A) A nice-looking couple. (B) Yes, thanks. I'd love some. (C) At the café on the corner.</p>	<p>10. Bạn có biết là tôi có thể lấy một cốc cà phê ở đâu không?</p> <p>(A) Một cặp đôi ưa nhìn. (B) Vâng, cảm ơn bạn. Tôi cũng muốn một ít. (C) Ở tiệm cà phê ở góc đường.</p>
<p>11. Where's the shoe department?</p> <p>(A) On the second floor. (B) Twenty-five dollars. (C) At eleven thirty.</p>	<p>11. Bộ phận giày dép ở đâu?</p> <p>(A) Ở tầng 2. (B) 25 đô la. (C) Lúc 11 giờ 30.</p>
<p>12. When is your report due?</p> <p>(A) I'll have another. (B) Sixteen pages. (C) Next Thursday.</p>	<p>12. Khi nào thì báo cáo của bạn đến hạn nộp?</p> <p>(A) Tôi sẽ có cái khác. (B) 16 trang. (C) Thứ Năm tuần sau.</p>
<p>13. Where will the interview take place?</p> <p>(A) It hasn't been decided. (B) Some résumés. (C) Yes, that must be it.</p>	<p>13. Buổi phỏng vấn sẽ diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Việc đó chưa được quyết định. (B) Một vài bản lí lịch. (C) Phải, chính là nó.</p>

<p>14. When will the article be published?</p> <p>(A) On the Web site. (B) For a few months. (C) After it's been edited.</p>	<p>14. Khi nào thì bài báo sẽ được xuất bản?</p> <p>(A) Trên trang web. (B) Suốt vài tháng. (C) Sau khi nó được biên tập.</p>
<p>15. When will the editorial assistant start work?</p> <p>(A) All of them. (B) Sometime in April. (C) There were some errors.</p>	<p>15. Khi nào thì trợ lý biên tập bắt đầu công việc?</p> <p>(A) Tất cả họ. (B) Đầu đó trong tháng Tư. (C) Đã có một vài lỗi.</p>
<p>16. Where is the light switch for this room?</p> <p>(A) Thanks, but it isn't heavy. (B) I'd prefer not to switch. (C) It's next to the door.</p>	<p>16. Công tắc đèn của phòng này nằm ở đâu vậy?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn, nhưng nó không nặng. (B) Tôi không thích đổi chỗ. (C) Nó ở bên cạnh cửa ra vào.</p>
<p>17. When are you moving into your new apartment?</p> <p>(A) A few miles from town. (B) In the marketing department. (C) As soon as I sign the lease.</p>	<p>17. Khi nào thì bạn chuyển đến căn hộ mới của bạn?</p> <p>(A) Cách thị trấn vài dặm. (B) Trong bộ phận tiếp thị. (C) Ngay khi tôi kí hợp đồng thuê.</p>
<p>18. Where's the hotel being built?</p> <p>(A) In about a year or so. (B) The clients have sent the documents. (C) Directly across from the old one.</p>	<p>18. Khách sạn đang xây ở đâu?</p> <p>(A) Trong khoảng 1 năm. (B) Những khách hàng đã gửi tài liệu. (C) Ngay phía đối diện của khách sạn cũ.</p>
<p>19. Where did Constance work last year?</p> <p>(A) For a few years. (B) Not at all. (C) At a bookstore.</p>	<p>19. Năm ngoái Constance đã làm việc ở đâu?</p> <p>(A) Trong một vài năm. (B) Không có gì. (C) Tại một hiệu sách.</p>
<p>20. When's the next flight to Denver?</p> <p>(A) It leaves thirty minutes from now. (B) No, we make a stop in Phoenix first. (C) A few more passengers.</p>	<p>20. Chuyến bay tiếp theo đến Denver là khi nào?</p> <p>(A) Nó sẽ cất cánh sau 30 phút nữa. (B) Không, trước tiên chúng tôi sẽ dừng tại Phoenix. (C) Thêm một vài hành khách.</p>

<p>21. When will the doctor be available?</p> <p>(A) Herbertson medical school. (B) She's free tomorrow morning. (C) No thanks, I already have one.</p>	<p>21. Khi nào thì bác sĩ có thời gian rảnh?</p> <p>(A) Trường y dược Herbertson. (B) Bà ấy sẽ rảnh vào sáng mai. (C) Không, cảm ơn bạn, tôi đã có một cái.</p>
<p>22. Where did you file the invoices?</p> <p>(A) In the folder labeled "Expenses." (B) To our contractor in Melbourne. (C) They'd like to order more.</p>	<p>22. Bạn đã cất giữ những hoá đơn ở đâu?</p> <p>(A) Trong một tệp tin có tên "Chi Tiêu". (B) Đến nhà thầu của chúng ta ở Melbourne. (C) Họ muốn đặt hàng thêm.</p>
<p>23. Where will the conference be held?</p> <p>(A) By tomorrow. (B) For a week. (C) In the main building.</p>	<p>23. Hội nghị sẽ diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Trước ngày mai. (B) Trong 1 tuần. (C) Ở toà nhà chính.</p>
<p>24. Where did you buy those shoes?</p> <p>(A) Because they're so comfortable. (B) It's difficult to choose. (C) I got them in London.</p>	<p>24. Bạn đã mua những đôi giày đó ở đâu vậy?</p> <p>(A) Vì chúng rất thoải mái. (B) Thật khó để lựa chọn. (C) Tôi mua chúng ở Luân Đôn.</p>
<p>25. When does this ticket expire?</p> <p>(A) The ticket window. (B) Any airline agent can. (C) At the end of the year.</p>	<p>25. Khi nào tấm vé này hết hạn?</p> <p>(A) Vé ngồi gần cửa sổ. (B) Bất kì đại lí máy bay nào cũng có thể. (C) Vào cuối năm nay.</p>
<p>26. When are you supposed to give your presentation?</p> <p>(A) Yes, I bought some small gifts. (B) To Ms. Ito, in personnel. (C) At the next marketing meeting.</p>	<p>26. Khi nào thì bạn sẽ có bài thuyết trình?</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi đã mua một vài món quà nhỏ nhỏ. (B) Đến cô Ito, ở bộ phận nhân sự. (C) Tại buổi họp tiếp thị lần tới.</p>
<p>27. Where should I leave this report?</p> <p>(A) On my desk. (B) The news reporter. (C) At three-thirty.</p>	<p>27. Tôi nên để báo cáo này ở đâu đây?</p> <p>(A) Trên bàn của tôi. (B) Phóng viên tin tức. (C) Lúc 3 giờ 30.</p>

<p>28. When will the marketing team meet?</p> <p>(A) Yes, at the market. (B) Nice to meet you. (C) Right after lunch.</p>	<p>28. Khi nào thì đội tiếp thị họp mặt?</p> <p>(A) Đúng vậy, tại chợ. (B) Rất vui được gặp bạn. (C) Ngay sau giờ ăn trưa.</p>
<p>29. When will you get back from your trip?</p> <p>(A) On Friday night. (B) In the back row. (C) Britain and France.</p>	<p>29. Khi nào thì bạn sẽ trở về từ chuyến đi của bạn?</p> <p>(A) Vào tối thứ Sáu. (B) Ở hàng phía sau. (C) Anh và Pháp.</p>
<p>30. Where is the press conference going to be held?</p> <p>(A) Mainly journalists. (B) Downstairs in the lobby. (C) There aren't enough copies.</p>	<p>30. Cuộc họp báo sẽ được tổ chức ở đâu?</p> <p>(A) Chủ yếu là các nhà báo. (B) Ở sảnh phía dưới lầu. (C) Không có đủ bản sao.</p>